

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2019
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Dũng

Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1134/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Thái T, sinh năm 1971

Địa chỉ: 540 đường L, phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1964

Địa chỉ: 5/2 đường P, phường H, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – Ông Bùi Thái T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Bùi Thái T và bà Nguyễn Thị Hồng T sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường 1, thành phố Vũng Tàu vào ngày 30/12/2005.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và có 02 con chung. Đến đầu năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc như trước. Vợ chồng cố gắng hòa hợp, tự hòa

giải để giữ gìn gia đình hạnh phúc nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng lớn, không ai quan tâm đến ai nữa nên đã sống ly thân từ đầu 2018.

Nay ông Bùi Thái T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Bùi Nguyễn Thái T, sinh ngày 07-4-2006 và Bùi Nguyễn Thái T1, sinh ngày 28-10-2007. Ông T nhường quyền trực tiếp nuôi con cho bà T và cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng/02con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lần làm việc tại Tòa án, bị đơn – Bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Bà Thủy xác nhận về điều kiện và quá trình đi tới hôn nhân giữa bà và ông Thiện như ông Thiện trình bày là đúng.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên bà T đồng ý ly hôn với ông Bùi Thái T.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Bùi Nguyễn Thái T, sinh ngày 07-4-2006 và Bùi Nguyễn Thái T1, sinh ngày 28-10-2007. Bà Thủy đồng ý trực tiếp nuôi các con, hiện ông Thiện cũng khó khăn về kinh tế nên bà Thủy không yêu cầu ông Thiện cấp dưỡng nuôi con, sau này ông Thiện có điều kiện về kinh tế thì cấp dưỡng nuôi các con sau.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 22/11/2018, ông T và bà T đã tự nguyện thuận tình ly hôn và thoả thuận việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể:

- Về hôn nhân: Ông Bùi Thái T và bà Nguyễn Thị Hồng T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Bùi Nguyễn Thái T, sinh ngày 07-4-2006 và Bùi Nguyễn Thái T1, sinh ngày 28-10-2007. Trên cơ sở thỏa thuận của bà T, ông T và nguyện vọng của con, giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, ngày 29/11/2018 bà T có đơn thay đổi nội dung hòa giải về vấn đề hôn nhân, bà T không đồng ý ly hôn vì cho rằng trước đó suy nghĩ chưa kỹ, sợ ảnh hưởng đến con nên cần thời gian để hàn gắn hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Bùi Thái T khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng T về việc “Ly hôn”, bà T có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

Vụ án này, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ hoặc không có đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hay vụ việc dân sự chưa có điều luật để áp dụng nên không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông Bùi Thái T và bà Nguyễn Thị Hồng T có đăng ký kết hôn tại UBND phường 1, thành phố Vũng Tàu vào ngày 30/12/2005 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông T và bà T phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của ông T và bà T, mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2017, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng không đạt kết quả, tại buổi hòa giải ngày 22-11-2018, ông T và bà T đã tự nguyện thuận tình ly hôn nhưng ngày 29-11-2018 bà T có đơn thay đổi nội dung hòa giải về vấn đề hôn nhân, bà T không đồng ý ly hôn vì cho rằng cần thời gian để hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Các buổi làm việc sau này bà T vắng mặt, ông T cương quyết yêu cầu được ly hôn với bà T. Xét yêu cầu ly hôn của ông T thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã kéo dài từ năm 2017 đến nay, ông T đã ra ở riêng và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay; quá trình giải quyết vụ án Tòa án cho thời gian để tạo điều kiện để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả; trước khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án cũng tổ chức phiên hòa giải nhưng bà T vắng mặt.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông T là không thể, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, ông T yêu cầu được ly hôn với bà T là có cơ sở nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Thái T đối với bà Nguyễn Thị Hồng T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà T có 02 con chung là Bùi Nguyễn Thái T, sinh ngày 07-4-2006 và Bùi Nguyễn Thái T1, sinh ngày 28-

10-2007. Tại buổi hòa giải ngày 22-11-2018, ông T và bà T đã thỏa thuận, bà T là người trực tiếp nuôi con, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của các con nên giao cho bà T được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông Bùi Thái T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Bùi Thái T phải nộp 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 21, Điều 28, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

1. *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thái T;

- Về hôn nhân: Ông Bùi Thái T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung là Bùi Nguyễn Thái T, sinh ngày 07-4-2006 và Bùi Nguyễn Thái T1, sinh ngày 28-10-2007. Ông Bùi Thái T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà T không yêu cầu nên không xem xét.

2. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Ông Bùi Thái T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006289 ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, ông T đã nộp xong tiền án phí.

3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- UBND phường 1, TP.Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ;